

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13 tháng 11 năm 2018

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Nga

2. Ông Lê Văn Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 211/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số 36, đường L, ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ 8, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau năm 2008 và có đăng ký kết tại UBND phường 11, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và được UBND phường 11 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyền số 01/2008, ngày 16/5/2008. Ngay từ đầu kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc và mâu thuẫn phát sinh ngày càng lớn dần. Nguyên nhân là do anh T không chăm sóc cho gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi uống rượu, nghe lời mẹ ruột thường xuyên đánh vợ và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của vợ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra chiến tranh lạnh; mẹ chồng và nàng dâu thường xuyên cãi vã lẫn nhau không khắc phục được, có lúc tôi bị mẹ chồng đánh, đuổi ra khỏi nhà và bảo vợ chồng tôi hãy chia tay đi. Tôi đã nhịn nhục bỏ qua cho anh T và cho anh T nhiều cơ hội mong anh T thay đổi và có trách nhiệm với vợ con nhưng được một thời gian thì anh T vẫn chứng nào tật đó không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2016 cho đến nay. Quá trình sống ly thân thì vợ chồng không gặp nhau hàn gắn đoàn tụ gia đình. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng giữa tôi và

anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Tôi và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 23/11/2008. Sau khi ly hôn, tôi đồng ý giao cháu N cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo bản tự khai ngày 04/10/2018 có tại hồ sơ bị đơn anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Phạm Thị H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết tại UBND phường 11, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và được UBND phường 11 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyển số 01/2008, ngày 16/5/2008. Đến cuối năm 2015 thì vợ chồng không hợp nhau để chung sống nữa, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với tôi thì tôi đồng ý.

- Về con chung: Tôi và chị H có 01 con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 23/11/2008. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giao cháu N cho tôi được chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Văn T ngày 04/10/2018 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa theo quy định.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị H về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung; Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 8, ấp 1, xã T, huyện

V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T ngày 04/10/2018 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

** Về nội dung:*

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết tại UBND phường 11, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và được UBND phường 11 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyển số 01/2008, ngày 16/5/2008 theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị H vẫn kiên quyết đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Còn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng bản tự khai có tại hồ sơ anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị H.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T là do không hợp về tính tình; anh T thường xuyên uống rượu về nghe lời mẹ ruột xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị H; không quan tâm chăm sóc cho gia đình; mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu kéo dài không khắc phục được dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra chiến tranh lạnh. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay mỗi người ở mỗi một nơi không gặp nhau hàn gắn đoàn tụ gia đình. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 04/10/2018 tại địa phương nơi cư trú của chị H và anh T có ghi nhận nội dung: “Trong quá trình chung sống, chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do cả hai không hợp tính tình nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T thì quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T vì mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, không thể hàn gắn được nữa và anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H”. Như đã phân tích trên, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Nguyễn Văn T.

[2]. Về nuôi con chung:

Tại bản tự khai ngày 04/10/2018, anh T đề nghị Tòa án giao con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 23/11/2008 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 04/10/2018 có tại hồ sơ, cháu N có khai nội dung: “Sau khi ba T và mẹ H ly hôn, nguyện vọng của cháu được ở với ba T vì ba chăm sóc con tốt hơn mẹ, cho con ăn, học đầy đủ”. Tại phiên tòa, chị H đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 23/11/2008 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Lý do anh T có điều kiện về chỗ ở, kinh tế cũng như có bà nội là người chăm sóc, đưa cháu đi học. Tạm thời chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Ý chí của chị H là tự nguyện nên ghi nhận. Giao cháu N cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3]. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 23/11/2008 cho anh Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời chị Phạm Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Phạm Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số: 004615 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND phường 11, quận G, Tp. Hồ Chí Minh (số 125 ngày 16/5/2008);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn